

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
Nhóm 2 gồm 09 danh mục							
1	Vitamin C	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	Viên	10.000
2	Metronidazol	Nhóm 2	250mg	Uống	Viên	Viên	10.000
3	Diosmin + hesperidin	Nhóm 2	450mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	4.800
4	Paracetamol	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	Viên	80.000
5	Allopurinol	Nhóm 2	300mg	Uống	Viên	Viên	3.000
6	Phenobarbital	Nhóm 2	100mg	Uống	Viên	Viên	10.000
7	Valproat natri	Nhóm 2	200mg	Uống	Viên	Viên	6.000
8	Metformin hydroclorid	Nhóm 2	850mg	Uống	Viên	Viên	30.000
9	Tenofovir	Nhóm 2	300mg	Uống	Viên	Viên	2.000
Nhóm 3 gồm 09 danh mục							
1	Amoxicillin	Nhóm 3	500mg	Uống	Viên	Viên	20.000
2	Paracetamol	Nhóm 3	80mg	Uống	Thuốc bột	Gói	12.000
3	Paracetamol	Nhóm 3	250mg	Uống	Thuốc bột	Gói	10.000
4	Amoxicillin + acid clavulanic	Nhóm 3	250 mg + 31.25 mg	Uống	Thuốc bột	Gói	20.000
5	Calci lactat	Nhóm 3	500mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	ống	5.000
6	Drotaverin hydroclorid	Nhóm 3	40mg	Uống	Viên	Viên	20.000
7	Clopidogrel	Nhóm 3	75mg	Uống	Viên	Viên	5.000
8	Trimetazidin	Nhóm 3	20mg	Uống	Viên	Viên	30.000
9	Amlodipin	Nhóm 3	10mg	Uống	Viên	Viên	50.000
Nhóm 4 gồm 37 danh mục							
1	Celecoxid	Nhóm 4	200mg	Uống	Viên	Viên	5.000
2	Cinnarizin	Nhóm 4	25mg	Uống	Viên	Viên	10.000
3	Acetyl leucin	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên	Viên	10.000
4	Nước cất pha tiêm	Nhóm 4	5 ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Ống	3.000
5	Nước cất pha tiêm	Nhóm 4	10 ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Ống	3.000
6	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Nhóm 4	5mg	Uống	Viên	Viên	20.000
7	Spironolacton	Nhóm 4	25mg	Uống	Viên	Viên	2.000
8	Alpha chymotrypsin	Nhóm 4	4200 IU	Uống	Viên	Viên	5.000
9	Alimemazin	Nhóm 4	5mg	Uống	Viên	Viên	20.000
10	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Nhóm 4	4 mg	Uống	Viên	Viên	20.000
11	Metoclopramid	Nhóm 4	5mg/ml - 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	140
12	Omeprazol	Nhóm 4	20mg	Uống	Viên	Viên	5.000
13	Aciclovir	Nhóm 4	5%, 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	100
14	Enalapril	Nhóm 4	5mg	Uống	Viên	Viên	60.000
15	Losartan + Hydrochlorothiazid	Nhóm 4	50 mg +12.5mg	Uống	Viên	Viên	20.000
16	Ringer lactat	Nhóm 4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	500
17	Vitamin B6 + magnesi lactat	Nhóm 4	940mg+ 10mg	Uống	viên sủi	Viên	10.000
18	Haloperidol	Nhóm 4	2mg	Uống	Viên	Viên	1.200

19	Losartan	Nhóm 4	25mg	Uống	Viên	Viên	60.000
20	Natri clorid	Nhóm 4	0,9%-10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	400
21	Glucose	Nhóm 4	10%-500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	50
22	Natri clorid	Nhóm 4	0,9%-500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	600
23	Vitamin B1+B6+B12	Nhóm 4	100mg+100 mg+150mcg	Uống	Viên	Viên	10.000
24	Candesartan+ Hydrochlorothiazid	Nhóm 4	8mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	50.000
25	Sắt Fumarat; Acid folic	Nhóm 4	305mg; 350mcg	Uống	Viên	Viên	5.000
26	Drotaverin hydroclorid	Nhóm 4	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	200
27	Morphin sulfat	Nhóm 4	30mg	Uống	Viên	Viên	250
28	Diazepam	Nhóm 4	10mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	40
29	Salbutamol sulfat	Nhóm 4	2,5mg/2,5ml	khí dung	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Ống	1.000
30	Lovastatin	Nhóm 4	20mg	Uống	Viên	Viên	
31	Glucose	Nhóm 4	30%-5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	50
32	Furosemid	Nhóm 4	20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	50
33	Furosemid	Nhóm 4	40mg	Uống	Viên	Viên	1.000
34	Bacillus clausii	Nhóm 4	1.10 ⁹ - 2.10 ⁹ CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	10.000
35	Kali clorid	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên	Viên	900
36	Risperidon	Nhóm 4	2mg	Uống	Viên	Viên	900
37	Cefuroxim	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên	Viên	25.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
Nhóm 3 gồm 07 danh mục							
1	Cao đặc rễ đinh lăng (tương đương 3g rễ đinh lăng); Cao khô lá bạch quả (tương đương không dưới 24% ginkgo flavonoid toàn phần)	Nhóm 3	300mg, 100mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	50.000
2	Cao đặc Actiso; Cao đặc Rau đắng đất; Bột bìm bìm biếc	Nhóm 3	200mg; 150mg; 16mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	10.000
3	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn, Nhục đậu khấu, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân.	Nhóm 3	Bạch truật 20 mg; Mộc hương 6,8 mg; Hoàng liên 3,4 mg; Cam thảo 4,0 mg; Bạch linh (Phục linh) CP 2020; Mạch nha 6,8 mg; Sơn tra 6,8 mg; Hoài sơn 6,8 mg; Nhục đậu khấu 13,4 mg; Đảng sâm 6,8 mg; Thần khúc 6,8 mg; Trần bì 13,4 mg; Sa nhân 6,8 mg	Uống	Viên hoàn cứng	Viên	12.000
4	Lá sen, Lá vông/Vông nem. Lạc tiên, (Tâm sen). (Bình vôi), (Trinh nữ).	Nhóm 3	Mỗi viên chứa 210mg cao khô được liệu tương đương: Lá sen 500mg; Lá vông 700mg; Lạc tiên 500mg; Tâm sen 100mg; Bình vôi 1000mg	Uống	Viên bao đường	Viên	2.000
5	Ô dầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphor, Riềng.	Nhóm 3	(0,5g; 2,5g; 1g; 1g; 1,5g; 1,5g; 0,5g; 2,5g)/50ml.	Dùng ngoài	Cồn thuốc dùng ngoài	Chai	500
6	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.	Nhóm 3	6g+ 10g+ 10g+ 10g+ 10g+ 8g+ 8g+ 10g	Uống	Siro	Chai	1.000
7	Tang ký sinh, Độc hoạt, Phòng phong, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi	Nhóm 3	Mỗi viên chứa 0,5g cao khô được liệu tương đương: Tang ký sinh 1,5g; Độc hoạt 1g; Phòng phong 1g; Đỗ trọng 1g; Ngưu tất 1g; Trinh nữ 1g; Hồng hoa 1g; Bạch chi 1g; Tục đoạn 1g; Bồ cốt chi 0,5g	Uống	Viên nang cứng	Viên	40.000
Nhóm 4 gồm 01 danh mục							
8	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	Nhóm 4	500mg; 125mg; 0,883mg/ml; 60ml	Uống	Cao lỏng	Chai	3.000